TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2017/TCDS-PT Ngày 28 tháng 9 năm 2017 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Hiệp.

Bà Tòng Thị Hiền.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đào Ngọc Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà***: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 8 năm 2017 và ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLPT–TCDS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/TCDS-ST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-PT ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Tiến S.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ B, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa, ông Hoàng Tiến S vắng mặt tại phiên tòa có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hoa tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T.

Địa chỉ: Tiểu khu Tiền Phong A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn Nguyễn Thị H và ông Hoàng Tiến S trình bày như sau:

Từ năm 1985 đến năm 1993, bà H làm công nhân tại Xí nghiệp gạch ngói 19/5 Nà Sản, đến năm 1995 bà được xí nghiệp bán cho vợ chồng bà căn nhà 03 gian mái chảy, tổng thể diện tích lúc đó bà không xác định được là bao nhiêu, khi đó đất chưa có tường rào ngăn cách giữa các hộ gia đình. Năm 1996 bà chuyển lên công tác tại Nhà máy xi măng Chiềng Sinh, thuộc TP Sơn La, diện tích đất này cũng không xây dựng thêm tài sản gì trên đất. Năm 2000, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là CNQSDĐ) số Q 898331 mang tên Nguyễn Thị H do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 6/3/2000 tổng diện tích đất là 144m^2. Tuy nhiên, thủ tục tục xin cấp giấy chứng nhận bà H không được biết. Khoảng năm 2006, nhà bà H bị đổ, bà T đã xây tường rào lấn chiếm một diện tích đất phần giữa và sau đó tiếp tục xây tường rào phần đuôi đất. Bà H đã có ý kiến không đồng ý cho bà T xây lấn sang phần đất của gia đình mình. Khi đối chiếu hình thể thửa đất trên thực tế so với giấy CNQSDĐ đã được cấp, bà H cho rằng bà T đã xây tường rào lấn sang khoảng 40cm (mất phần đất tam giác giữa thửa đất như hình thể thửa đất theo giấy CNQSDĐ được cấp), phần đuôi đất tiếp giáp với gia đình ông S2 không còn. Diện tích lấn chiếm thực tế bà H không biết chính xác, khoảng 25m^2 đến 30m^2, các mốc cây đến thời điểm hiện tại đã không còn (do người dân xung quanh đã phá). Vì hình thể thửa đất thực tế không đúng so giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu bà Trần Thị T trả lại hình thể thửa đất đúng như trong giấy CNQSDĐ số Q 898331 mang tên Nguyễn Thị H do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 6/3/2000. Cụ thể bà H đòi lại diện tích khoảng 28m^2 phần tam giác giữa đất giáp với bà T và phần đuôi đất giáp với hộ ông S2 đúng như hình thể thửa đất căn cứ vào giấy CNQSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị H và bản đồ địa chính do đã bị bà T lấn chiếm.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Gia đình bà T có mua hai gian nhà thanh lý của xí nghiệp 19/5 từ năm 1988, đến năm 1989 gia đình bà mới chuyển đến ở trên đất, lúc này chưa xây dựng nhà. Đến năm 1993, bà H mới đến mua đất giáp với gia đình bà. Ngôi nhà bà H mua cũng được xây dựng từ năm 1990. Đến năm 2000, bà T được cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích là 175m^2. Đất của bà T giáp với đất của bà H, một phần là tường nhà bà H, một phần còn lại bà T rào hàng rào bằng cây sống. Năm 2006, tường nhà bà H bị đổ nên bà T có xây tường rào để lấp chỗ trống, đến năm 2010, xây dựng tường rào phần đuôi đất. Bà T cho rằng vẫn sống ổn định trên đất tại Tiểu khu Tiền Phong A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến cuối năm 2014 thì bắt đầu xảy ra tranh chấp với bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà T khẳng định không lấn chiếm phần tam giác và phần đuôi đất. Bà T cho rằng, khi xây tường rào, do bà đi vắng nên thợ xây có xây lấn sang móng nhà bà H, lấn bao nhiêu bà không xác định được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị T giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Lời khai của những người làm chứng xác định như sau:

Bà H và bà T đều nhận chuyển nhượng đất của Xí nghiệp 19/5 cùng một thửa đất, có 01 ngôi nhà 05 gian trên đất; diện tích đất giữa bà H và bà T không có ranh giới rõ ràng, đất bà T giáp với đất ông S. Trước khi xây tường rào năm 2006, 2010 thì ranh giới giữa hai thửa đất là bờ rào cây sống do bà T trồng, kể từ xây tường rào đến trước năm 2014 bà H không có ý kiến khác.

Quá trình cấp sơ thẩm tiến hành điều tra, xác minh được như sau:

Bà Nguyễn Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 144m^2 đất thổ cư, thửa số 472, được giao thửa 472$^{(1)}$ là 10m^2 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); bà Trần Thị T được cấp CNQSDĐ đối với 175m^2 đất (gồm 150m^2 đất thổ cư và 25m^2 đất vườn), thửa số 471, 471$^{(1)}$ đều thuộc tờ bản đồ 123-18 tại Tiểu khu Tiền Phong A, xã B, huyện Mai Sơn do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 06/3/2000. Việc sử dụng đất của bà H và bà T ổn định, không có tranh chấp cho đến thời điểm năm 2014, diện tích đất sử dụng thực tế không thiếu so với giấy CNQSDĐ được cấp, ranh giới thửa đất không có, việc đo vẽ bằng tay không đảm bảo tính chính xác. Vì vậy, không có căn cứ xác định bà T có lấn chiếm đất của bà H. Đồng thời tại văn bản trả lời số: 2510/UBND-TNMT ngày 11/10/2016 của UBND huyện Mai Sơn đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H vì diện tích đất thực tế của gia đình bà H nhiều hơn so với giấy CNQSDĐ và hai gia đình đã sống ổn định, lâu dài không có tranh chấp về ranh giới sử dụng đất.

Tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị H đang sử dụng trên thực tế là 168,38m^2, tổng diện tích đất bà T đang sử dụng là 280,66m^2 (kèm theo sơ đồ thửa đất). Kết quả định giá quyền sử dụng đất đang tranh chấp ngày 20/12/2016 của Hội đồng định giá là: 800.000VNĐ/m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/TCDS-ST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 147; Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Tiến S đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị T phải trả lại diện tích lấn chiếm khoảng 28m^2 phần tam giác giữa đất và phần đuôi đất theo đúng hình thể thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ địa chính.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/5/2017 đồng nguyên đơn Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến S đã có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng buộc bị đơn bà Trần Thị T trả lại diện tích đất khoảng 28m^2 mà bà T đã lấn chiếm cho ông bà. Và Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/8/2017 bà yêu cầu dừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định tường rào của nhà bà Trình xây lấn chồng đất của bà. Tại phiên tòa ngày 28/9/2017 bà Hoa vẫn giữ nguyên quan điểm kháng cáo.

** Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Th.*

Hình thể theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H có phần tam giác lồi lên về phía đất của bà T. Nhưng kết quả thẩm định tại chỗ thì hình thể đất của bà H mất đi phần tam giác đó, hơn nữa đất của bà T chỉ có một mặt tiền, giờ lại có hai mặt tiền. Từ đó cho thấy việc bà T có lấn chiếm sang đất bà H. Đề nghị Hội đồng xem xét thẩm định lại toàn hai mảnh đất để xác định phần mà bà T đã lấn chiến. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà T phải trả lại hình diện tích hình tam giác với diện tích khoảng 28m^2.

** Ý kiến tranh luận của bà H:*

Nhất trí với ý kiến của Luật sư, đề nghị buộc bà T trả lại đất cho bà theo hình thể như trong giấy CNQSDĐ.

** Ý kiến tranh luận của T:*

Không nhất trí với ý kiến của bà H cho rằng bà đã lấn chiếm đất của bà H, phần đằng sau là đất của sân chiếu bóng của nhà nước, bà lấn chiếm đất thuộc đất của sân bóng. Về phần tường rào thợ xây có xây trồng lên móng nhà bà H, tại buổi thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2017 đã xác định với nhau các điểm lấn chiếm. Nhất trí trả lại theo diện tích đã xác định.

** Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về thực hiện tố tụng: Đúng trình tự, quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu đòi lại 28m^2 để lấy lại hình thể giống như hình thể đã cấp trong giấy CNQSDĐ của bà H. Do sơ đồ vẽ bằng tay, không thể hiện độ dài các cạnh, các đương sự không xác định được vị trí, không có tài liệu nào để chứng minh. Diện tích của bà H đang quản lý, sử dụng nhiều hơn so với diện tích đã được giao. Vì vậy, không có căn cứ chấp yêu cầu của bà H.

+ Đối với yêu cầu đòi lại diện tích đất mà bà T xây tường rào chồng lên phần móng nhà của bà. Bà T có thừa nhận và hai bên đương sự đều xác định

được vị trí. Do đó, cần chấp nhận sự thỏa thuận phần lấn đất mà bà T đã lấn chiến của bà H là 2,82m^2.

+ Đối với án phí có giá ngạch Tòa án sơ thẩm tuyên bà H, ông Sửu phải chịu là không chính xác vì các đương sự không tranh chấp về giá trị đất, mà tranh tranh chấp về quyền sở hữu, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ–HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì các đương sự không phải chịu án phí có giá ngạch.

Từ căn cứ trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự tự nguyện của bà T trả lại 2,82m^2 đất cho bà H và không áp dụng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bà H, ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Việc thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm được tiến hành theo đúng trình tự tố tụng. Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai, thẩm định, xác minh tại chỗ, hòa giải, xét xử sơ thẩm được tiến hành đúng quy định, đảm bảo khách quan.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của đồng nguyên đơn:

[2].Đủ căn cứ xác định: Phần diện tích đất đang tranh chấp giữa đồng nguyên đơn Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến S và bị đơn Trần Thị T hiện đang do bà Trần Thị T sử dụng. Diện tích đất được nguyên đơn xác định bị lấn chiếm khoảng 28m^2 , thời gian lấn chiếm theo nguyên đơn xác định vào năm 2006, khi tường rào giữa hai nhà bị đổ, phía bị đơn đã xây lại hàng rào và lấn sang phần đất của nguyên đơn, tuy nhiên phía nguyên đơn không xác định được diện tích, tứ cận phần đất cụ thể bị lấn chiếm là bao nhiêu mà chỉ căn cứ vào hình thể đã được phác họa theo trong sơ đồ tại giấy CNQSDĐ của mình để yêu cầu trả đất. Kết quả xem xét, thẩm định cho thấy trên phần đất nguyên đơn cho là bị lấn chiếm từ năm 2006 có tồn tại một số tài sản của bị đơn là bể nước của bị đơn được xác định xây dựng từ năm 1993; 01 cây xoài được xác định bị đơn trồng từ năm 1990. Căn cứ theo giấy GNQSDĐ của hai bên đương sự được UBND huyện Mai Sơn cấp năm 2000 thì diện tích đất sử dụng thực tế của hai bên đều lớn hơn so với diện tích được ghi trong giấy CNQSDĐ. Quá trình điều tra, xác định sơ đồ đất của cả hai bên đương sự đều được vẽ thủ công, các tứ cạnh không được thể hiện cụ thể, việc đo đạc, lập bản đồ chỉ bằng tay, không đảm bảo tính chính xác tuyệt đối, do đó việc xác định hình thể thửa đất trong giấy CNQSDĐ và bản đồ giải thửa để làm căn cứ giải quyết là không đảm bảo tính khách quan. Lời khai của các nhân chứng đều xác định diện tích đất giữa bà H và bà T không có ranh giới rõ ràng. Trước khi xây tường rào năm 2006, năm 2010 thì

ranh giới giữa hai thửa đất là bờ rào cây do bà T trồng, kể từ xây tường rào đến trước năm 2014 bà H không có ý kiến gì. Hiện tại, ranh giới giữa hai thửa đất không còn, bà T không xác định được ranh giới nên không có căn cứ để xác định ranh giới thửa đất. Quá trình sử dụng, không có biến động về diện tích đất. Từ khi được cấp quyền sử dụng đất, bà H, ông S không nắm rõ hình thể đất nhưng cũng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định ranh giới thửa đất cho mình. Các hộ gia đình sử dụng đất ổn định từ khi được cấp đất cho đến nay. Do đó, cần chấp về hình thể của hai mảnh đất như hiện nay do các bên đang quản lý, sử dụng.

[3]. Xét kháng cáo của đồng nguyên đơn Nguyễn Thị H, Hoàng Tiến S: Kháng cáo với lý do giấy CNQSDĐ là hợp pháp, diện tích đất khoảng 28m^2 nằm trong diện tích đất đã được công nhận quyền sử dụng đất, thửa đất có tiếp giáp với đường đi vào xưởng sản xuất gạch nhưng hiện đã bị lấn chiếm không còn. Ngoài lời khai ra, bà không xuất trình hay cung cấp tài liệu để chứng minh phần đất 28m^2 nằm ở vị trí nào trong thửa đất. Do đó, không có căn cứ giải quyết chấp nhận yêu cầu.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/8/2017 bà H xác định phần tường rào nhà bà T có xây chồng lên móng nhà cũ của bà, nhưng bà không xác định được diện tích là bao nhiêu và đề nghị xem xét thẩm định đối với phần đất trên. Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2017 thể hiện diện tích bà T lấn chiếm là 2,82m^2. Nhưng bà H lại không nhất trí với kết quả và cho rằng phần đầu và phần đuôi móng phải bằng nhau, nhưng không có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà H là không có cơ sở để chấp nhận, cần chấp nhận theo kết quả xem xét tại chỗ. Do vậy, cần buộc bà Trình trả lại cho bà H 2,82m^2. (Diện tích 2,82m^2 có chiều dài là 11,29m, chiều cao là 0,5m, cạnh huyền "nét đứt đoạn" là 11,79m).

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ–HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Tiến S yêu cầu đòi quyền sử dụng đất, do đó đây là tranh chấp thuộc trường hợp không có giá ngạch. Tòa sơ thẩm tuyên bà H, ông S phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là không đúng với quy định của pháp luật.

[6]. Đối với các chi phí tố tụng khác: Chấp nhận yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của bà H về phần xây tường rào lấn chiếm, nên cần buộc bà T phải trả cho bà H số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà bà H đã nộp.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Tiến S, sửa án sở thẩm. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

Căn cứ vào Điều 100; Điều 203 Luật đất đai năm 2013

Chấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Tiến S, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Tiến S buộc bà Trần Thị T phải trả lại diện tích lấn chiếm có diện tích là 2,82m2, có các cạnh tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông cách đất bà Nguyễn Thị Thơm là 1,1m, có chiều dài song song với đất bà Nguyễn Thị Thơm là 0,5m (tính cả tường).

+ Phía Bắc giáp đất bà Trần Thị T có chiều dài là 11,79m.

+ Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H, có chiều dài là 11,29m.

+ Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị T (cách điểm cuối đất là 15,4m).

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Án phí và chi phí tố tụng khác: Áp dụng Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ–HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc bà Trần Thị T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tiền chi phí xem xét thẩm định.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu số tiền 1.120.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Tiến S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 200.000 *(Hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2013/01555 ngày 23/7/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bà Nguyễn Thị H được hoàn trả lại 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2013/03600 ngày 22/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9 /2017).

"Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- KTNV -THA
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-AV

Hoàng Thị Bích Hồng